

# Bản tin thị trường

24.09.2022

*Nhận định, tin doanh nghiệp, data talks*

## Tin Trọng Điểm

Nhận định thị trường  
Cổ phiếu quan tâm  
Danh mục đầu tư

## Tin Doanh Nghiệp

Vinachem, TCM

## Data Talks

Cổ phiếu tăng trưởng  
Lịch chia cổ tức



## Thị trường đang xấu trong ngắn hạn

Chỉ số Vnindex trở lại mốc 1200 trong phiên giao dịch cuối tuần sau khi những thông tin không mấy lạc quan trên trường quốc tế cộng với chiến sự Ucraina-Nga ngày càng khốc liệt. Áp lực bán không lớn nhưng dồn ép mỗi lúc một nhiều hơn vào phiên chiều. Dấu hiệu thị trường suy yếu đã bắt đầu từ phiên sáng và rõ ràng đây là thời điểm để nhà đầu tư ra hàng ở vùng giá tốt nhất.

Các nhóm ngành chứng khoán, điện, ngân hàng lại mất điểm nhiều nhất cho thấy sự thiếu ổn định qua từng phiên. Chỉ một vài nhóm cổ phiếu liên quan đến năng lượng, tiêu dùng xây dựng chớm xanh trong ngày như BSR, BWE, HNG, CTD, GAS, GIL, TCM.

Ngưỡng 1200 vẫn được giữ vững đến cuối phiên nhưng trở nên mong manh hơn rất nhiều trước bối cảnh kinh tế vĩ mô toàn cầu đang trong giai đoạn khó khăn. Thị trường đang đi vào xu hướng giảm trung hạn và vùng hỗ trợ 1200 nhiều khả năng sẽ bị phá vỡ trong các phiên tới. Trong giai đoạn hiện tại việc thu hẹp danh mục đầu tư là ưu tiên hàng đầu. Nhà đầu tư chờ tín hiệu tích cực hơn từ thị trường và hạn chế giải ngân mới trong giai đoạn hiện tại.

# Tin Doanh Nghiệp

## Dệt may Thành Công (TCM) lãi gần 190 tỷ đồng sau 8 tháng



Công ty Cổ phần Dệt may - Đầu tư - Thương mại Thành Công (Mã: TCM) vừa công bố tình hình kinh doanh trong tháng 8 với doanh thu của công ty đạt hơn 19,4 triệu USD (khoảng 460 tỷ đồng), tăng 85% so với tháng 8/2021. Lợi nhuận sau thuế đạt 1,3 triệu USD (khoảng 30 tỷ đồng), gấp 4,8 lần.

Cơ cấu doanh thu của Thành Công đến từ ba mảng chính, trong đó sản phẩm may chiếm 77%, vải chiếm 15%, sợi chiếm 6% và mảng khác chiếm 1% tổng doanh thu.

Dù chi phí nguyên vật liệu đầu vào, chi phí xăng dầu và chi phí logistics tăng mạnh trong những tháng đầu năm 2022 nhưng kết quả kinh doanh 8 tháng của công ty vẫn khả quan.

Theo đó, doanh thu 8 tháng đầu năm của dệt may Thành Công đạt 127 triệu USD (khoảng 3.011 tỷ đồng) tăng 20% so với cùng kỳ năm 2021 và thực hiện được 72% so với kế hoạch năm 2022.

Lợi nhuận sau thuế đạt hơn 8 triệu USD (189 tỷ đồng), tăng 48% so với cùng kỳ năm 2021 và đạt khoảng 75% so với kế hoạch năm 2022.

Dệt may Thành Công xuất khẩu hàng dệt may đi nhiều nước lớn trên thế giới. Trong đó, thị trường châu Á chiếm tỷ trọng cao nhất với 56,5% (Nhật Bản chiếm 21,5%, Hàn Quốc chiếm 20,2%...)

Tính đến tháng 9, công ty đã nhận đủ đơn hàng cho quý III, nhận hơn 80% đơn hàng cho kế hoạch doanh thu quý IV và bắt đầu nhận một số đơn hàng cho quý I/2023.

Tính từ đầu năm đến hết tháng 8, xuất khẩu hàng dệt may đạt gần 30 tỷ USD, tăng gần 20% so với cùng kỳ năm 2021.

## Vinachem ước lãi hơn 5.000 tỷ đồng 8 tháng đầu năm

Tập đoàn Hoá chất Việt Nam (Vinachem) vừa thông báo kết quả hoạt động, sản xuất 8 tháng đầu năm với doanh thu đạt 43.091 tỷ đồng, tăng 28,5% so với cùng kỳ năm ngoái.

Trong đó, doanh thu nhóm sản phẩm phân bón và thuốc bảo vệ thực vật ước đạt 25.391 tỷ đồng, sản phẩm apatit ước đạt 2.766 tỷ đồng, cao su ước đạt 7.358 tỷ đồng, điện hoá (pin, ắc quy) ước đạt 2.887 tỷ đồng, hoá chất cơ bản, khí công nghiệp ước đạt 2.618 tỷ đồng, chất giặt rửa ước đạt 1.891 tỷ đồng.

Lợi nhuận cộng hợp Vinachem ước đạt 5.091 tỷ đồng, vượt 181% kế hoạch đề ra năm nay. Trong đó, lợi nhuận các đơn vị thuộc Đề án 1468 là 2.519 tỷ đồng, các đơn vị còn lại lãi 2.571 tỷ đồng.

Một số đơn vị có lãi tăng cao như Công ty TNHH MTV Apatit Việt Nam tăng 675%, Công ty CP Phân bón Miền Nam tăng 500%, CTCP DAP- Vinachem tăng 283%, CTCP Hóa chất Việt Trì tăng 251%, CTCP Bột Giặt LIX tăng 147,7%, CTCP Hóa chất cơ bản Miền Nam tăng 168,9%, CTCP Phân lân Ninh Bình tăng 232,8% so với cùng kỳ năm 2021.

8 tháng đầu năm nay, Vinachem sản xuất hơn 2 triệu tấn phân bón các loại, hơn 1 triệu tấn quặng Apatit, 2,63 triệu lốp ô tô, hơn 3,6 triệu lốp xe máy, 181.000 tấn chất giặt rửa. Một số sản phẩm tăng so với cùng kỳ năm ngoái như xút tăng 17,1%, axit HCL tăng 20,8%, pin các loại tăng 40,4%, ắc quy tăng 13,7%, nước tẩy javen tăng 16,3%.

Vinachem cũng thừa nhận, giá thành các sản phẩm trong 8 tháng đầu năm nay tăng. Theo lý giải, tập đoàn đang chịu ảnh hưởng của các yếu tố kinh tế thế giới, tác động của các chính sách, đặc biệt là tác động từ xung đột giữa Nga và Ukraine bắt đầu từ nửa cuối tháng 2/2022 kéo dài đến nay tạo ra sức ép lớn làm cho giá dầu mỏ tăng cao.



## Phân tích kỹ thuật



Chỉ số Vnindex trở lại vùng hỗ trợ tâm lý 1200. Đường giá đã cắt MA20 và đang cách xa dần đường MA20 cho xu hướng tiếp tục giảm. Hai đường MA vẫn đang cắt xuống và tín hiệu histogram vẫn cho xu thế bán mạnh hơn mua. Chỉ số Vnindex có khả năng dò lại đáy cũ quanh 1150-1160 trong ngắn hạn. Các nhà đầu tư hạn chế các vị thế mua mới và chờ các tín hiệu hồi phục rõ ràng hơn từ thị trường.



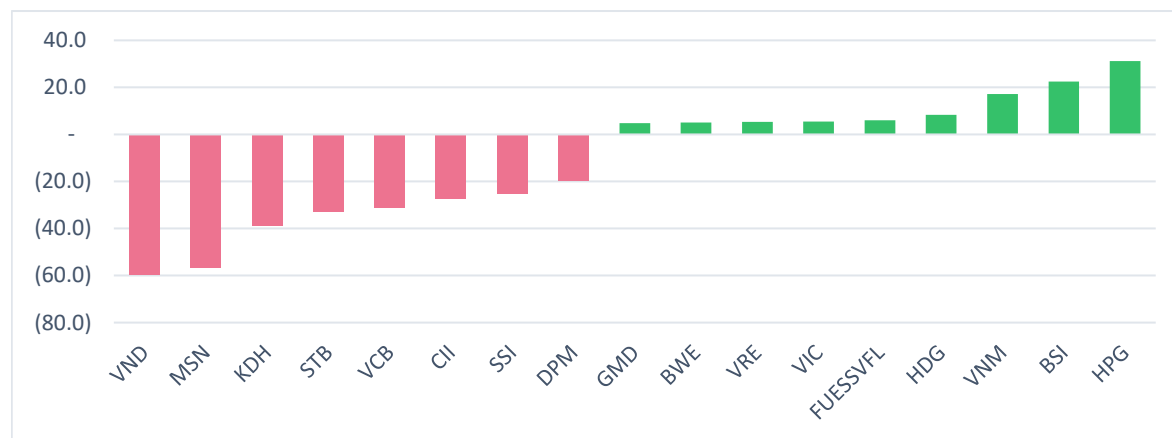


## Tổng hợp kết quả kinh doanh 6T.2022

Ngành	SỐDN	DT6T.2022	DT6T.2021	%	LN6T.2022	LN6T.2021	%
Ngân hàng	27	203,760	173,141	17.7%	104,667	78,436	33.4%
Dầu khí	23	395,240	232,972	69.7%	22,242	10,863	104.8%
Bất động sản	81	93,342	157,857	-40.9%	18,575	28,731	-35.3%
Sản xuất và KD Thép	26	199,122	165,060	20.6%	14,525	22,369	-35.1%
Thực phẩm và đồ uống	71	156,961	157,122	-0.1%	15,677	13,917	12.6%
Vận tải - Logistics	73	63,186	54,944	15.0%	9,918	5,560	78.4%
Điện	43	78,672	69,172	13.7%	10,206	5,519	84.9%
Phân bón	13	38,528	24,395	57.9%	7,931	1,234	542.5%
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	72	54,699	47,203	15.9%	6,077	6,676	-9.0%
Dịch vụ tài chính	40	26,338	22,619	16.4%	5,530	7,996	-30.8%
Bất động sản KCN	22	31,682	28,932	9.5%	9,234	5,289	74.6%
Xây dựng	110	84,077	84,526	-0.5%	6,318	4,347	45.3%
Hóa chất	27	46,366	32,271	43.7%	4,288	1,745	145.7%
Bán lẻ	21	124,887	105,304	18.6%	3,248	3,416	-4.9%
Thủy sản	24	33,252	25,119	32.4%	3,151	1,039	203.4%
Công nghệ Thông tin	18	24,833	20,617	20.4%	2,928	2,010	45.7%
Vật liệu xây dựng	42	36,968	28,449	29.9%	3,561	2,675	33.1%
Bảo hiểm	11	33,779	29,871	13.1%	2,156	2,421	-10.9%
Hàng cá nhân & Gia dụng	27	34,335	25,932	32.4%	2,598	1,798	44.4%
Dệt May	21	36,228	28,330	27.9%	1,945	1,465	32.8%
Nước	48	11,509	11,054	4.1%	1,616	1,608	0.5%
Y tế	36	21,471	24,311	-11.7%	1,550	1,425	8.8%
Viễn thông	5	19,409	16,921	14.7%	3,261	862	278.1%
Du lịch và Giải trí	32	56,344	29,703	89.7%	(4,241)	(8,679)	
Khoáng sản	33	49,095	31,309	56.8%	1,154	947	21.8%
Tài nguyên Cơ bản	20	17,021	15,813	7.6%	760	1,123	-32.3%
Cao su	13	2,599	2,335	11.3%	502	412	21.8%
Truyền thông	30	6,382	4,862	31.3%	486	250	94.1%
Ô tô và phụ tùng	11	23,561	19,738	19.4%	699	548	27.6%
Bao bì	17	18,682	13,248	41.0%	301	248	21.4%
Xây dựng và Vật liệu	58	13,485	15,235	-11.5%	204	(65)	
Phân phối xăng dầu & khí đốt	5	6,691	3,808	75.7%	73	71	3.5%
<b>Tổng</b>	<b>1,100</b>	<b>2,042,500</b>	<b>1,702,175</b>	<b>20.0%</b>	<b>261,139</b>	<b>206,255</b>	<b>26.6%</b>



## Top mua bán ròng khối ngoại trong ngày (tỷ VND)



## Thống kê nhóm cổ phiếu ngân hàng:

Mã CK	Sàn	Giá đóng cửa	KLGD	P/E	P/B	KL NN Mua	KL NN Bán	EPS	Book Value
ACB	HOSE	25.0	5,995,200	5.8	1.6	90	-	4,306	15,416
BID	HOSE	39.2	2,040,300	13.6	2.1	15,360	281,700	2,883	18,580
CTG	HOSE	29.1	5,961,800	9.4	1.4	13,530	673,400	3,099	21,387
EIB	HOSE	30.6	400,100	18.4	2.0	2,000	-	1,659	15,513
HDB	HOSE	24.9	1,779,000	6.9	1.4	6,400	30,500	3,591	17,576
LPB	HOSE	16.0	6,317,800	4.7	1.2	1,470	-	3,398	13,136
MBB	HOSE	26.8	9,550,900	6.3	1.4	2,200,000	2,204,000	4,221	18,767
MSB	HOSE	18.8	3,089,500	6.3	1.2	3,000,000	3,000,000	2,960	16,090
OCB	HOSE	18.1	2,454,900	6.6	1.1	144,000	-	2,754	16,897
SHB	HOSE	15.2	14,782,600	4.9	1.0	15,400	373,400	3,062	14,879
SSB	HOSE	31.5	1,439,300	12.7	2.6	-	-	2,472	11,892
STB	HOSE	25.5	13,785,600	13.4	1.3	173,800	1,716,200	1,905	18,989
TCB	HOSE	38.2	4,810,300	6.6	1.3	1,200,000	1,205,000	5,766	29,757
TPB	HOSE	27.9	2,456,300	6.9	1.5	78,700	10,200	4,024	18,340
VCB	HOSE	78.8	904,300	13.2	3.0	202,300	615,350	5,956	25,988
VIB	HOSE	26.2	1,822,400	5.8	2.0	70	410	4,528	13,403
VPB	HOSE	29.0	12,627,600	6.7	1.3	-	-	4,346	22,163
BAB	HNX	17.0	7,700	17.0	1.4	-	-	1,002	12,383
NVB	HNX	28.8	45,500	-	3.7	-	-	(188)	7,686
VBB	UPCOM	10.7	18,400	9.2	0.8	-	-	1,163	12,626
VAB	UPCOM	10.2	136,700	6.0	0.8	-	-	1,701	12,691
SGB	UPCOM	13.5	36,500	-	1.1	-	-	502	12,530
PGB	UPCOM	22.0	12,000	20.7	1.5	-	-	1,065	14,590
NAB	UPCOM	14.1	267,000	-	-	-	-	3,247	17,329
KLB	UPCOM	23.3	5,500	22.6	1.8	-	-	1,031	13,236
BVB	UPCOM	14.1	619,400	19.7	1.0	-	700	715	13,432
ABB	UPCOM	11.7	2,119,300	4.3	0.9	-	-	2,719	13,255
			<b>93,485,900</b>	<b>10.32</b>	<b>1.56</b>	<b>7,053,120</b>	<b>10,110,860</b>	<b>2,737</b>	<b>16,242</b>



## Lịch trả cổ tức:

STT	Mã CK	Sàn	Ngày GDKHQ ▼	Ngày ĐKCC	Ngày thực hiện	Nội dung sự kiện	Loại Sự kiện
1	PPS	HNX	11/10/2022	12/10/2022	27/10/2022	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 900 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
2	BTP	HOSE	7/10/2022	10/10/2022	31/10/2022	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 1,500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
3	XMP	UPCoM	7/10/2022	10/10/2022	26/10/2022	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
4	SFI	HOSE	4/10/2022	5/10/2022	19/10/2022	Trả cổ tức đợt 1/2022 bằng tiền, 2,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
5	HD2	UPCoM	4/10/2022	5/10/2022	28/10/2022	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
6	USC	UPCoM	4/10/2022	5/10/2022	20/10/2022	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 350 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
7	SNZ	UPCoM	4/10/2022	5/10/2022	26/10/2022	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
8	SZE	UPCoM	30/09/2022	3/10/2022	21/10/2022	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 800 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
9	SPC	HNX	30/09/2022	3/10/2022	26/10/2022	Trả cổ tức đợt 2/2021 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
10	ITC	HOSE	30/09/2022	3/10/2022		Trả cổ tức năm 2021 bằng cổ phiếu, tỷ lệ 100:10	Trả cổ tức bằng cổ phiếu
11	TKA	UPCoM	30/09/2022	3/10/2022	17/10/2022	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 1,200 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
12	KHW	UPCoM	30/09/2022	3/10/2022	14/10/2022	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
13	KHW	UPCoM	30/09/2022	3/10/2022		Thưởng cổ phiếu, tỷ lệ 10:1	Thưởng cổ phiếu
14	LGC	HOSE	29/09/2022	30/09/2022	31/10/2022	Trả cổ tức đợt 1/2021 bằng tiền, 400 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
15	HCT	HNX	29/09/2022	30/09/2022	20/10/2022	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 150 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
16	ICN	UPCoM	29/09/2022	30/09/2022	31/10/2022	Trả cổ tức năm 2022 bằng tiền, 4,500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
17	CNG	HOSE	29/09/2022	30/09/2022	20/10/2022	Trả cổ tức đợt 2/2021 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
18	LAI	UPCoM	29/09/2022	30/09/2022	20/10/2022	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 1,800 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
19	WTC	UPCoM	29/09/2022	30/09/2022	12/10/2022	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
20	HTL	HOSE	28/09/2022	29/09/2022	17/10/2022	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
21	VPB	HOSE	28/09/2022	29/09/2022		Thưởng cổ phiếu, tỷ lệ 2:1	Thưởng cổ phiếu
22	VSC	HOSE	28/09/2022	29/09/2022	18/10/2022	Trả cổ tức đợt 1/2022 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
23	DWS	UPCoM	28/09/2022	29/09/2022	10/10/2022	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 570 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
24	DTD	HNX	27/09/2022	28/09/2022		Trả cổ tức năm 2021 bằng cổ phiếu, tỷ lệ 100:18	Trả cổ tức bằng cổ phiếu
25	DTD	HNX	27/09/2022	28/09/2022		Thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm, tỷ lệ 5:1, giá 10,000 đồng/CP	Phát hành thêm
26	VET	UPCoM	27/09/2022	28/09/2022	14/10/2022	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 2,662 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
27	DQC	HOSE	27/09/2022	28/09/2022	14/10/2022	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
28	HDB	HOSE	27/09/2022	28/09/2022		Trả cổ tức năm 2021 bằng cổ phiếu, tỷ lệ 100:25	Trả cổ tức bằng cổ phiếu





## BP Phân tích

Head: Nguyễn Hồng Khanh  
khanhnh@vise.com.vn

## Khuyến cáo

Báo cáo này được viết và phát hành bởi VIS để phân phối tại Việt Nam và quốc tế. Các ý kiến và dự báo chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành và có thể thay đổi mà không cần thông báo. Chúng tôi chỉ sử dụng những thông tin và quan điểm được cho là đáng tin cậy nhất, tuy nhiên chúng tôi không bảo đảm tuyệt đối tính chính xác và đầy đủ của những thông tin trên. Những quan điểm cá nhân trong báo cáo này đã được cân nhắc cẩn thận dựa trên những nguồn thông tin chúng tôi cho là tốt nhất và hợp lý nhất trong thời điểm viết báo cáo. Tuy nhiên những quan điểm trên có thể thay đổi bất cứ lúc nào, do đó chúng tôi không chịu trách nhiệm phải thông báo cho nhà đầu tư.

Công ty VIS cũng như các công ty con và toàn thể cán bộ công nhân viên hoàn toàn có thể tham gia đầu tư hoặc thực hiện các nghiệp vụ ngân hàng đầu tư đối với cổ phiếu được đề cập trong báo cáo này. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào. Nhà đầu tư cân nhắc kỹ lưỡng việc sử dụng thông tin cũng nhưng các dự báo tài chính trong tài liệu trên, và VIS không chịu trách nhiệm với bất kì khoản lỗ trực tiếp hoặc gián tiếp nào do sử dụng những thông tin đó.

Tài liệu này chỉ nhằm mục đích lưu hành trong phạm vi hẹp vì vậy không được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của VIS.

**VISecurities**  
CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ VIỆT NAM

Tầm nhìn mới, Giá trị mới

### Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc tế Việt Nam (Hội Sở)

Tầng 3, 59 Quang Trung, Quận Hai Bà Trưng - Hà Nội

Tel: (84 24) 710 888 48, Fax: (84 24) 3944 5889

<https://www.vise.com.vn>

### Chi nhánh TP Hồ Chí Minh

Tầng 2, tòa nhà Savimex, Số 194 Nguyễn Công Trứ, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Tel: (84 28) 7108 8848

Fax: (84 28) 3915 2931